

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 39/2022/DS-ST

Ngày: 27-7-2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thiện

2. Ông Lê Hoàng Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa:
Ông Cao Quốc Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2022/TLST-DS ngày 26/01/2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2022/QĐXXST-DS ngày 09/6/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2022/QĐST-DS ngày 29/6/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thành Th, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số B đường N, tổ B, khu phố M, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Lệ Th1, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số H đường Đ thôn M, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận (Nay là số H đường Đ thôn B, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận). Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Thành Th2, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số H đường Đ thôn M, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận (Nay là số H đường Đ thôn B, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận). Vắng mặt.

2. Bà Hà Thị Ph, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số B đường N, tổ B, khu phố M, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị Ph: Ông Nguyễn Thành Th, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số B đường N, tổ B,

khu phố M, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 27/5/2022). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/01/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đồng thời là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị Ph là ông Nguyễn Thành Th trình bày:

Bà Hà Thị Ph, sinh năm 1986 là vợ của ông Th. Vợ chồng ông và vợ chồng ông Lê Thành Th2, bà Phạm Thị Lệ Th1 là bà con họ hàng. Vì vậy, vợ chồng ông, bà đã tin tưởng cho vợ chồng ông Th2, bà Th1 mượn tiền 02 lần, cụ thể:

+ Ngày 10/01/2020, vợ chồng ông Lê Thành Th2, bà Phạm Thị Lệ Th1 có mượn ông Th, bà Ph số tiền 500.000.000 đồng, có giấy mượn tiền do bà Th1 ghi. Ông Th2 và bà Th1 cùng ký vào giấy. Thời gian trả tiền nợ là 03 tháng kể từ ngày mượn là ngày 10/01/2020.

+ Ngày 22/01/2020, vợ chồng ông Lê Thành Th2, bà Phạm Thị Lệ Th1 có mượn ông Th, bà Ph số tiền 200.000.000 đồng, có giấy mượn tiền do bà Th1 ghi. Ông Th2 và bà Th1 cùng ký vào giấy. Nội dung ghi lãi suất thỏa thuận, không ghi thời gian trả tiền nợ.

Thực tế về lãi suất của cả hai khoản vay này thì bà Th1, ông Th2 có trả được 04 lần. Cứ 03 tháng trả tiền lãi 1 lần với số tiền 20.000.000 đồng trên số tiền 700.000.000 đồng đã mượn. Đến tháng 02/2021 không trả được tiền lãi nữa. Từ lúc mượn tiền đến nay cũng chưa trả cho ông Th, bà Ph được khoản tiền nợ gốc nào.

Thời điểm cho mượn tiền, xã Đ chưa sáp nhập vào xã N nên địa chỉ trong giấy mượn nợ bà Th1 ghi là số H đường Đ, thôn M, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận, nhưng tại thời điểm khởi kiện, địa bàn thay đổi, nay địa chỉ của bà Th1, ông Th2 là số H đường Đ, thôn B, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Ông Th có nhiều lần đến nhà nhắc nhở và nói không lấy tiền lãi nữa, chỉ cần trả tiền gốc cho vợ chồng ông Th, bà Ph nhưng ông Th2, bà Th1 hẹn rồi không trả được.

Số tiền cho ông Th2, bà Th1 mượn là tài sản chung của vợ chồng ông Th, bà Ph.

Nay ông Th khởi kiện tại Tòa án yêu cầu giải quyết như sau: Buộc ông Lê Thành Th2, bà Phạm Thị Lệ Th1 thanh toán cho vợ chồng ông Th, bà Ph khoản nợ 700.000.000 đồng đã vay. Ông Th không yêu cầu tính bất cứ khoản lãi nào.

- Bị đơn ông Lê Thành Th2, bà Phạm Thị Lệ Th1 đã được Tòa án thông báo tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố nào, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị Ph chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thành Th2 đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 29/6/2022 và ngày 27/7/2022 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

Về nội dung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nguyên đơn ông Th khởi kiện buộc ông Lê Thành Th2, bà Phạm Thị Lệ Th1 thanh toán cho vợ chồng ông Th, bà Ph khoản nợ 700.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi là phù hợp và có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn đồng thời là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị Ph có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thành Th2 đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 29/6/2022 và ngày 27/7/2022 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn ông Nguyễn Thành Th khởi kiện yêu cầu ông Lê Thành Th2, bà Phạm Thị Lệ Th1 thanh toán cho vợ chồng ông Th, bà Ph khoản nợ 700.000.000 đồng đã vay. Ông Th không yêu cầu tính bất cứ khoản lãi nào.

Nộp kèm là 02 Giấy mượn tiền được phô tô đối chiếu bản chính.

[2.1] Theo giấy mượn tiền ngày 10/01/2020 ông Th cung cấp cho Tòa án thể hiện nội dung: Bà Phạm Thị Lệ Th1, CMND 261005092 thường trú tại H đường Đ, thôn M, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận chồng tên Lê Thành Th2, CMND 261651342, thường trú như trên, ngày 10/01/2020, vợ chồng tôi có mượn của anh Th số tiền 500.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận, thời gian trả là 3 tháng kể từ hôm nay. Kèm theo là chữ ký của ông Th2, bà Th1.

Theo giấy mượn tiền ngày 22/01/2020 ông Th cung cấp cho Tòa án thể hiện nội dung: Bà Phạm Thị Lệ Th1, sinh năm 1984, CMND 261005092, chồng tên Lê Thành Th2, sinh năm 1983, CMND 261651342, ngày 22/01/2020 vợ chồng tôi có mượn của anh Th số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận. Kèm theo là chữ ký của ông Th2, bà Th1.

Ông Th xác định số tiền cho ông Th2, bà Th1 vay là tài sản chung của vợ chồng ông Th, bà Ph.

[2.2] Xét thấy quá trình tố tụng, ông Th2, bà Th1 không đến Tòa án làm việc, không xuất trình được chứng cứ gì về số tiền nợ cũng như không có bất kỳ ý kiến nào về việc không thừa nhận chữ ký và chữ viết trong các giấy tờ là của

ông Th2, bà Th1, mặc dù Tòa án đã nhiều lần triệu tập đến làm việc và có ban hành Giấy yêu cầu cung cấp chứng cứ gửi cho ông Th2, bà Th1.

[3] Theo biên bản xác minh ngày 04/3/2022 tại Công an xã N, ông Lê Thành Th2, số chứng minh nhân dân số 261651342 và bà Phạm Thị Lệ Th1, số chứng minh nhân dân số 261005092 là vợ chồng, có hộ khẩu thường trú tại số H đường Đ, tổ B, thôn B, xã N (trước đây là thôn M, xã Đ), huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Thông tin này khớp với thông tin cá nhân được ghi trong giấy mượn tiền mà ông Th cung cấp.

Như vậy, giữa ông Th2, bà Th1 và ông Th, bà Ph có quan hệ vay mượn tiền và cho đến nay, ông Th2, bà Th1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với ông Th, bà Ph.

[4] Như vậy, căn cứ vào 02 tờ giấy mượn tiền ngày 10/01/2020 và ngày 22/01/2020, tổng số tiền ông Th2, bà Th1 nợ ông Th, bà Ph là 700.000.000 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Th là có cơ sở theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Ông Th thừa nhận ông Th2, bà Th1 đã thanh toán tiền lãi cho ông Th, bà Ph được 04 lần, cứ 03 tháng trả tiền lãi 1 lần với số tiền 20.000.000 đồng trên số tiền 700.000.000 đồng đã mượn. Đến tháng 02/2021 không trả được tiền lãi nữa. Như vậy, ông Th2, bà Th1 đã thanh toán lãi suất được 12 tháng, từ tháng 02/2020 đến tháng 01/2021 với số tiền 20.000.000 đồng/03 tháng, như vậy, tổng số tiền lãi đã thanh toán 80.000.000 đồng; mức lãi suất là 11,43%/năm. Lãi suất này không vượt quá mức lãi suất do Nhà nước quy định.

[6] Về lãi suất: Ông Th không yêu cầu tính bất cứ khoản lãi nào nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[7] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Thành Th2 và bà Phạm Thị Lệ Th1 phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thành Th đối với bị đơn bà Phạm Thị Lệ Th1 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Lê Thành Th2, bà Phạm Thị Lệ Th1 có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông Nguyễn Thành Th, bà Hà Thị Ph số tiền 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Thành Th2, bà Phạm Thị Lệ Th1 phải chịu 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng).

- Trả lại cho ông Nguyễn Thành Th toàn bộ số tiền tạm ứng án phí 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0009112 ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

3. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Th1ận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự (3);
- VKSND huyện Đức Linh (1);
- CC THADS huyện Đức Linh (1);
- TAND tỉnh Bình Th1ận (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Mỹ Dung